

Số: 43 /2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về kiểm tra, rà soát và xử lý
văn bản pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/6/2008;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND
ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về
kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp
quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày
12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số
29/TTTr-STP ngày 16/6/2011 về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục kiểm
tra và xử lý văn bản pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về kiểm tra, rà soát
và xử lý văn bản pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế
Quyết định số 58/2007/QĐ-UBND ngày 10/9/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai
ban hành Quy định về rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng
các cơ quan chuyên môn và thủ trưởng các doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND
tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Chủ
tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Ktra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, NC, các phòng.

<17>banhank.com.vn>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái

QUY ĐỊNH

**Về kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản pháp luật
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43 /2011/QĐ-UBND
ngày 12/7 /2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về nội dung, nguyên tắc và trình tự, thủ tục tiến hành kiểm tra; quy trình rà soát và hình thức xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền ban hành và kiểm tra văn bản.

Quy định trách nhiệm tự kiểm tra, xử lý văn bản do các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành và phối hợp kiểm tra, rà soát với Sở Tư pháp trong công tác văn bản.

2. Đối tượng điều chỉnh

a) Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh.

b) Nghị quyết của HĐND, Quyết định và Chỉ thị của UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là cấp huyện);

c) Nghị quyết của HĐND, Quyết định và Chỉ thị của UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

d) Văn bản có chứa quy phạm pháp luật do UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Nghị quyết của HĐND cấp huyện, cấp xã ban hành nhưng không được ban hành đúng theo thẩm quyền về hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND.

e) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành: Chủ tịch HĐND, Thường trực HĐND và các cơ quan của HĐND cấp huyện, cấp xã, Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh.

Trường hợp phát hiện hoặc có thông tin kiến nghị Nghị quyết của HĐND tỉnh có dấu hiệu không phù hợp quy định pháp luật thì Sở Tư pháp phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh (khi có yêu cầu) thực hiện công tác tự kiểm tra.

g) Văn bản thuộc bí mật nhà nước, việc kiểm tra văn bản được thực hiện theo Quyết định số 42/2009/QĐ-TTg ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 2. Nội dung kiểm tra

Xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản được kiểm tra theo đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 20/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

1. Việc kiểm tra phải thực hiện toàn diện, nghiêm chỉnh theo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Cán bộ pháp chế các sở, ban, ngành phối hợp chặt chẽ, kịp thời với Sở Tư pháp tự kiểm tra văn bản khi phát hiện văn bản do cơ quan, đơn vị mình tham mưu trình UBND tỉnh ban hành có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Cán bộ pháp chế các sở, ban, ngành và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh kịp thời tự kiểm tra văn bản do thủ trưởng, đơn vị mình ban hành.

Điều 4. Hồ sơ kiểm tra văn bản

1. Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm tra văn bản.

2. Hồ sơ kiểm tra văn bản bao gồm những văn bản có nội dung trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra văn bản và đề nghị xử lý theo quy định pháp luật, kết quả xử lý văn bản.

3. Lập phiếu kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật (mẫu số 01/BTP/KtrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP).

4. Hồ sơ kiểm tra văn bản được lưu trữ theo quy định pháp luật về lưu trữ.

Chương II

THẨM QUYỀN KIỂM TRA VÀ TRÌNH TỰ THỬ TỤC

Mục 1

THẨM QUYỀN KIỂM TRA

Điều 5. Trách nhiệm tự kiểm tra

UBND tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật ngay khi ban hành, khi nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản hoặc yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng:

1. Cấp tỉnh:

a) Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh kiểm tra, đề xuất hướng xử lý Nghị quyết của HĐND tỉnh khi phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật hoặc có phản ánh là văn bản đó không phù hợp quy định pháp luật.

2. Cấp huyện:

Phòng Tư pháp giúp Chủ tịch UBND cấp huyện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp huyện ban hành.

3. Cấp xã:

Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã giúp Chủ tịch UBND cấp xã tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp xã ban hành.

Điều 6. Kiểm tra theo thẩm quyền

1. Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Giám đốc Sở Tư pháp ban hành.

2. Trưởng Phòng Tư pháp giúp Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

Chánh Văn phòng HDND và UBND huyện giúp Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện kiểm tra, xử lý đối với văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện ban hành.

Điều 7. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực

1. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra văn bản:

a) Xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông báo cho cơ quan có văn bản được kiểm tra tổ chức triển khai thực hiện.

b) Trường hợp thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực thì cơ quan kiểm tra văn bản đề xuất thành phần Đoàn, chuẩn bị các nội dung theo kế hoạch trình cơ quan có thẩm quyền quyết định. Gửi kết quả kiểm tra văn bản của Đoàn kiểm tra đến cơ quan có văn bản được kiểm tra sau khi kết thúc kế hoạch kiểm tra.

2. Trách nhiệm của cơ quan có văn bản được kiểm tra:

a) Chuẩn bị các nội dung, yêu cầu theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan kiểm tra.

b) Trường hợp Đoàn kiểm tra thực hiện việc tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực thì cơ quan có văn bản được kiểm tra phối hợp với cơ quan chủ trì kiểm tra chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ Đoàn kiểm tra thực hiện kế hoạch kiểm tra.

Điều 8. Trách nhiệm kiểm tra văn bản do cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh tham mưu và ban hành

1. Cán bộ pháp chế thuộc cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh và các cơ quan theo ngành dọc: Cục Hải Quan, Cục Thuế, Công an tỉnh, Cục Thống kê, Cục Thi hành án dân sự, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm kiểm tra văn bản về mặt hình thức và nội dung đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND, các

văn bản quy phạm pháp luật khác do cơ quan mình tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành.

2. Cán bộ pháp chế thuộc các cơ quan, đơn vị nêu tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm giúp thủ trưởng đơn vị tự kiểm tra và phối hợp với Sở Tư pháp đề xuất biện pháp xử lý văn bản do cơ quan, đơn vị mình ban hành theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 1 Quy định này.

Mục 2 **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC**

Điều 9. Gửi văn bản tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền

Chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành, cơ quan ban hành văn bản phải gửi văn bản đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan kiểm tra văn bản) để tiến hành kiểm tra và tự kiểm tra theo quy định. Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp thì cơ quan kiểm tra văn bản có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản; đồng thời, thông nhất các biện pháp xử lý và kiến nghị cơ quan ban hành văn bản điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 10. Nhận văn bản kiểm tra

Khi nhận được văn bản, ngoài việc vào Sổ công văn đến theo quy định tại Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư, cơ quan kiểm tra văn bản phải vào "Sổ văn bản đến" áp dụng riêng trong công tác kiểm tra để theo dõi việc gửi và nhận văn bản kiểm tra.

Điều 11. Tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền

1. Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện:

a) Tự kiểm tra và kiến nghị xử lý văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

- Ngay khi nhận được văn bản và tổ chức tự kiểm tra nếu phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh kiểm tra, xử lý; đồng thời, thông báo cho lãnh đạo các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh đã chủ trì soạn thảo văn bản đó nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh về biện pháp xử lý.

- Trường hợp nhận được thông báo của cơ quan, tổ chức và cá nhân phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Sở Tư pháp kiểm tra văn bản trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc và đồng thời thông báo cho đơn vị đã chủ trì soạn thảo để phối hợp kiểm tra và đề xuất hướng xử lý với UBND tỉnh.

Sau khi nhận được thông báo của Sở Tư pháp, trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra văn bản; phối hợp với Sở Tư pháp để làm rõ các nội dung có dấu hiệu trái pháp luật và đề xuất biện pháp xử lý. Trường hợp văn bản có liên quan đến các đơn vị khác, đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các đơn vị đó.

- Đối với văn bản được kiểm tra theo thông báo của cơ quan nhà nước cấp trên, nếu kết quả kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng pháp luật

thì Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị đã chủ trì soạn thảo chuẩn bị văn bản, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo kết quả kiểm tra gửi cơ quan nhà nước cấp trên.

Trường hợp Sở Tư pháp và đơn vị đã chủ trì soạn thảo không thống nhất về biện pháp xử lý, đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản phải báo cáo bằng văn bản gửi UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành

- Trực tiếp kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành.

- Thông báo cho cơ quan ban hành văn bản tự kiểm tra, xử lý văn bản nếu qua công tác kiểm tra phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản phải tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật và thông báo kết quả xử lý cho Sở Tư pháp.

Nếu kết quả kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng pháp luật thì Phòng Tư pháp phối hợp với đơn vị đã chủ trì soạn thảo chuẩn bị văn bản, báo cáo UBND cấp huyện để báo cáo kết quả kiểm tra gửi Sở Tư pháp.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không xử lý trong thời hạn nêu trên hoặc Sở Tư pháp không nhất trí với kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thì Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường Phòng Tư pháp tổ chức thực hiện:

a) Tự kiểm tra và kiến nghị xử lý văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp huyện ban hành

- Ngay khi nhận được văn bản và tổ chức tự kiểm tra văn bản nếu phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Trường phòng Tư pháp báo cáo UBND cấp huyện kiểm tra, xử lý; đồng thời, thông báo cho lãnh đạo các cơ quan chuyên môn đã chủ trì soạn thảo văn bản đó nghiên cứu, tham mưu cho UBND cấp huyện về biện pháp xử lý.

- Trường hợp nhận được thông báo của cơ quan, tổ chức và cá nhân phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Phòng Tư pháp kiểm tra văn bản trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc và đồng thời thông báo cho đơn vị đã chủ trì soạn thảo để phối hợp kiểm tra và đề xuất hướng xử lý với UBND cấp huyện.

- Đối với văn bản được kiểm tra theo thông báo của Sở Tư pháp:

Sau khi nhận được thông báo của Sở Tư pháp, trong thời gian 30 (ba mươi) ngày, UBND cấp huyện tổ chức tự kiểm tra văn bản và thông báo kết quả xử lý đến Sở Tư pháp. Trường hợp thống nhất hay không thống nhất về kiến nghị xử lý của Sở Tư pháp thì trình tự thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Kiểm tra theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp xã ban hành

- Trực tiếp kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

- Thông báo và đề xuất biện pháp xử lý cho cơ quan ban hành văn bản tự kiểm tra, xử lý văn bản nếu qua công tác kiểm tra phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Phòng Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản phải tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật và thông báo kết quả xử lý cho Phòng Tư pháp.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không xử lý trong thời hạn nêu trên hoặc Phòng Tư pháp không nhất trí với kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thì Trưởng phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Ngay sau khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chủ tịch UBND cấp xã phân công công chức tư pháp - hộ tịch tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra văn bản kịp thời và theo đúng quy định. Trường hợp nhận được thông báo của Phòng Tư pháp cấp huyện về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch tự kiểm tra và báo cáo kết quả xử lý cho Phòng Tư pháp như Điểm b Khoản 2 Điều này. Trong quá trình tự kiểm tra, nếu có vướng mắc phát sinh, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã kiến nghị lên Phòng Tư pháp cấp huyện để xin ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 12. Cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra

Văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Văn bản phải có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được kiểm tra do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

a) Trong trường hợp các văn bản là cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

b) Trong trường hợp các văn bản là cơ sở pháp lý để kiểm tra đều do một cơ quan ban hành về cùng một vấn đề nhưng có quy định khác nhau thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau; đối với văn bản do các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

2. Văn bản làm cơ sở pháp lý để kiểm tra phải là văn bản đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra.

a) Các văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra phải chưa hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong các văn bản đó; chưa được thay thế bằng văn bản mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó; chưa bị hủy bỏ, bãi bỏ bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Văn bản đã bị đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực theo quy định tại Điều 80 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 và Điều 52 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND thì không

được sử dụng làm cơ sở pháp lý để kiểm tra văn bản từ thời điểm ngưng hiệu lực cho đến thời điểm tiếp tục có hiệu lực thi hành theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra bao gồm văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, thông qua tại thời điểm kiểm tra, chưa có hiệu lực thi hành thông qua tại Điều 78 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND nhưng khi văn bản được kiểm tra có hiệu lực thi hành thì văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra cũng có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được kiểm tra. Bao gồm:

a) Văn bản được đưa vào làm căn cứ pháp lý để ban hành văn bản được kiểm tra.

b) Văn bản có liên quan đến việc xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra.

Điều 13. Hình thức xử lý

Cơ quan kiểm tra văn bản đề xuất hướng xử lý theo một trong các hình thức như sau:

1. Đình chỉ thi hành:

a) Đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trong trường hợp nội dung trái pháp luật đó nếu chưa được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ kịp thời và nếu tiếp tục thực hiện thì gây hậu quả nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

b) Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ toàn bộ văn bản đối với trường hợp văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật do người không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Đình chỉ việc thi hành và hủy bỏ các quy phạm pháp luật trong trường hợp văn bản do người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành nhưng không đúng hình thức văn bản theo quy định pháp luật.

2. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản áp dụng trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ văn bản làm căn cứ ban hành văn bản được kiểm tra đã được thay thế bằng văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản được áp dụng trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ văn bản đó được ban hành trái thẩm quyền về hình thức, nội dung hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật từ thời điểm văn bản được ban hành.

4. Đính chính văn bản

Chỉ đính chính đối với văn bản sai về văn bản làm cơ sở pháp lý được viện dẫn để soạn thảo, thể thức, kỹ thuật trình bày.

Điều 14. Thời hạn xử lý và thông báo văn bản trái pháp luật

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải tổ chức tự kiểm tra, xử lý và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan kiểm tra văn bản.

2. Hết thời hạn xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cơ quan, người đã ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không tự kiểm tra, xử lý hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản không nhất trí với kết quả xử lý của cơ quan, người đã ban hành văn bản thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với văn bản đó phải báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý theo quy định.

3. Đối với những văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật và văn bản do cơ quan không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành, thì kết quả xử lý phải được gửi cho tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đó được gửi.

Điều 15. Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật.

Các cơ quan có thẩm quyền sau khi xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật theo quy định có trách nhiệm công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật theo Điều 5 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

Điều 16. Theo dõi quá trình xử lý văn bản

Cơ quan kiểm tra văn bản phải mở Sổ theo dõi như Điều 10 Quy định này, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật để theo dõi quá trình kiểm tra và xử lý văn bản từ khi phát hiện văn bản sai trái đến khi có kết luận, xử lý cuối cùng về văn bản đó.

Điều 17. Kiểm tra văn bản trong một số trường hợp khác

Việc kiểm tra văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật khi được cán bộ pháp chế thuộc cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị mình tự kiểm tra đối với văn bản do chính thủ trưởng cơ quan, đơn vị mình ban hành thì hình thức xử lý được thực hiện theo Điều 13 Quy định này.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan ban hành văn bản

1. Thường xuyên, kịp thời gửi đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật đến cơ quan kiểm tra văn bản để tiến hành kiểm tra theo đúng quy định.
2. Phân công cán bộ chuyên trách thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản do cơ quan, đơn vị mình ban hành.
3. Thực hiện những yêu cầu kiến nghị xử lý hoặc phối hợp với cơ quan kiểm tra văn bản đề ra biện pháp xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.
4. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan kiểm tra văn bản khi tổ chức việc kiểm tra theo kế hoạch.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan kiểm tra văn bản

1. Tổ chức kiểm tra và xử lý kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật khi được gửi đến hoặc có yêu cầu, kiến nghị, thông tin phản ánh. Tùy từng trường hợp, có thể phối hợp với cộng tác viên kiểm tra.

2. Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan kiểm tra văn bản kịp thời thông báo đến cơ quan tham mưu và đề xuất biện pháp xử lý với cơ quan có thẩm quyền ban hành điều chỉnh cho phù hợp.

3. Phối hợp với cán bộ pháp chế các sở, ban, ngành và cán bộ thuộc cơ quan chuyên môn có văn bản tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền ban hành đề xuất cấp có thẩm quyền hướng xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật khi cơ quan ban hành văn bản không nhất trí với biện pháp xử lý của cơ quan kiểm tra văn bản.

4. Cơ quan kiểm tra văn bản lập phiếu xử lý văn bản theo hướng dẫn tại mẫu số 01/BTP/KtrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

Điều 20. Trách nhiệm báo cáo

Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 05/4/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của ngành tư pháp.

1. Cán bộ pháp chế của cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh báo cáo về kết quả kiểm tra và xử lý văn bản trái pháp luật do chính cơ quan mình ban hành và kết quả kiểm tra, xử lý văn bản sau khi có sự phối hợp với Sở Tư pháp đối với văn bản do cơ quan mình tham mưu UBND tỉnh ban hành gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện gửi báo cáo về tình hình kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tư pháp.

3. Chủ tịch UBND cấp xã gửi báo cáo về tình hình kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật đến Chủ tịch UBND cấp huyện, Phòng Tư pháp.

4. Giám đốc Sở Tư pháp và Trưởng Phòng Tư pháp, công chức tư pháp-hộ tịch cấp xã có trách nhiệm tổng hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã báo cáo 6 tháng và báo cáo năm về công tác kiểm tra, xử lý văn bản của cấp mình theo quy định hiện hành về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và thời gian theo quy định tại Thông tư số 08/2011/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

Chương IV

RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND phải được thường xuyên rà soát để kịp thời xem xét, kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ khi:

1. Tình hình kinh tế-xã hội ở địa phương đã thay đổi hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới làm cho nội dung văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND không còn phù hợp.

2. Nhận được thông tin, yêu cầu kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND ban hành có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp.

Điều 22. Quy trình rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Lập kế hoạch rà soát, trong đó xác định mục đích, yêu cầu và phạm vi rà soát; đồng thời, nêu các biện pháp bảo đảm thực hiện và thời gian thực hiện.

2. Thu thập, tập hợp, phân loại văn bản để rà soát các văn bản để đối chiếu. Việc thu thập và tập hợp này đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Thu thập đúng và đầy đủ những quy phạm pháp luật cần rà soát và văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật.

b) Tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực đã xác định.

3. Thực hiện các thao tác nghiệp vụ cụ thể:

a) Đọc, nghiên cứu văn bản.

b) Đối chiếu với văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên và yêu cầu quản lý nhà nước với đặc điểm kinh tế-xã hội ở địa phương.

c) Phát hiện các quy định không còn phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc đặc điểm kinh tế-xã hội ở địa phương.

d) Kiến nghị việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 23. Xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Thẩm quyền:

a) UBND xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của UBND trên cơ sở kết quả rà soát và đề nghị của cơ quan tư pháp cùng cấp.

b) Đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, xử lý sau khi có kết quả rà soát.

c) Cơ quan cấp trên có thẩm quyền giám sát, kiểm tra thì có thẩm quyền xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp dưới.

2. Cách thức xử lý:

Các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật sau khi rà soát được xử lý bằng các hình thức sau:

a) Đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trong trường hợp nội dung sai trái đó nếu chưa được sửa đổi, bãi bỏ, kịp thời và nếu tiếp tục thực hiện có thể gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

b) Sửa đổi, bổ sung trong trường hợp văn bản được ban hành đúng thẩm quyền nhưng có một phần nội dung không phù hợp với nội dung văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên mới được ban hành hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội và cần phải có quy định khác thay thế nội dung đó.

c) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản trong trường hợp nội dung đó trái với nội dung của văn bản mới được ban hành là cơ sở pháp lý của văn bản được kiểm tra mà không thuộc trường hợp cần đề xuất sửa đổi, bổ sung.

d) Huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ văn bản đó được ban hành trái thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung hoặc không phù hợp với quy định pháp luật ngay từ thời điểm ban hành văn bản đó.

Điều 24. Công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Định kỳ hàng năm, Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh, UBND cấp huyện công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do mình tham mưu ban hành đang có hiệu lực, đã hết hiệu lực, các văn bản đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ và bãi bỏ theo quy định.

Chương V ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT

Điều 25. Kiện toàn tổ chức, tăng cường lực lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, rà soát

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tính chất đặc điểm và khối lượng công việc cụ thể, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện phối hợp với Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ tham mưu, kiện toàn tổ chức, lực lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, rà soát tại đơn vị mình.

Điều 26. Tổ chức và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản

1. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm xây dựng và quản lý đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Thủ trưởng cơ quan kiểm tra văn bản ký hợp đồng với cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định pháp luật về hợp đồng lao động.

3. Chế độ cộng tác viên kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 27. Trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm tra, rà soát xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp xây dựng hệ cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật phục vụ kịp thời công tác kiểm tra, rà soát theo quy định.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát quy phạm pháp luật

Kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo chế độ hỗ trợ của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện và có trách nhiệm theo dõi công tác kiểm tra, rà soát văn bản trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc cấp tỉnh bố trí cán bộ làm

công tác pháp chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và phối hợp rà soát với Sở Tư pháp theo quy định.

3. Trưởng Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về công tác kiểm tra văn bản tại địa bàn các xã và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Định kỳ hàng năm, Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp huyện ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Keat
Dinh Quốc Thái